**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1859/QĐ-UBND-HC ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**

**1. Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện**

**1.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trình tự thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian giải quyết** | **Ghi chú** |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính**  | Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và Nộp đơn tại Ban tiếp Công dân cấp huyện.  | Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |  |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận và giao cơ quan tham mưu giải quyết** | Kiểm tra hồ sơ: |   |  |
| - Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. | 03 ngày |  |
| - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao trách nhiệm cơ quan tham mưu giải quyết. Đồng thời, thông báo tiếp nhận hồ sơ và thời gian giải quyết cho người gửi đơn.  |   |  |
| **Bước 3** | **Giải quyết thủ tục hành chính** | Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ của cơ qua tiếp nhận gửi đến, Cơ quan tham mưu có nhiệm vụ thẩm tra, xác minh tham mưu các bước thực hiệnnhư sau:  |  |  |
| - Thời hạn giải quyết:  | 45 ngày |  |
| - Thời hiệu giải quyết tranh chấp đất đai | 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu |  |
| **Bước 4** | **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính** | Cơ quan tham mưu giải quyết tranh chấp đất đai có trách nhiệm trao hoặc niêm yết công khai *(đối với trường hợp không nhận)* quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành, gửi cho các bên tranh chấp, các tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan. | 03 ngày |   |

**1.2. Thành phần, số lượng hồ sơ**

**a) Thành phần hồ sơ**

 - Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai;

- Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã; biên bản làm việc với các bên tranh chấp và người có liên quan; biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp; biên bản cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai đối với trường hợp hòa giải không thành; biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết tranh chấp;

- Trích lục bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp và các tài liệu làm chứng cứ, chứng minh trong quá trình giải quyết tranh chấp;

- Báo cáo đề xuất và dự thảo quyết định giải quyết tranh chấp hoặc dự thảo quyết định công nhận hòa giải thành.

**b) Số lượng hồ sơ*:*** 01 bộ.

 **1.3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Hộ gia đình và cá nhân, công đồng dân cư.

**1.4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, các phòng ban của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

**1.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành.

**1.6. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**1.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**1.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**1.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

-Luật số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

- Thực hiện theo Điều 89 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

 - Thực hiện theo Khoản 40, Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

- Thực hiện theo Khoản 3, Điều 9 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

**1.10. Lưu hồ sơ (ISO):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | **Bộ phận lưu trữ** | **Thời gian lưu** |
| - Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai; - Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã; biên bản làm việc với các bên tranh chấp và người có liên quan; biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp; biên bản cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai đối với trường hợp hòa giải không thành; biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết tranh chấp;- Trích lục bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp và các tài liệu làm chứng cứ, chứng minh trong quá trình giải quyết tranh chấp; - Báo cáo đề xuất và dự thảo quyết định giải quyết tranh chấp hoặc dự thảo quyết định công nhận hòa giải thành;- Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành;- Biên bản trao hoặc niêm yết công khai Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Vĩnh viễn |